

Số: 38/QĐ-BQLVQGPB

Ninh Thuận, ngày 17 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2022
của các đơn vị trực thuộc Ban quản lý Vườn Quốc gia Phước Bình**

Căn cứ Quyết định số 35/2018/QĐ-UBND ngày 01/6/2018 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Vườn Quốc gia Phước Bình, tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2022 ngày 20/3/2023 của Ban quản lý Vườn Quốc gia Phước Bình;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính Ban quản lý Vườn Quốc gia Phước Bình.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2022 của các đơn vị trực thuộc Ban quản lý Vườn Quốc gia Phước Bình (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính và các đơn vị trực thuộc Ban quản lý Vườn Quốc gia Phước Bình tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- KBNN huyện Ninh Sơn;
- Ban Giám đốc Vườn;
- Lưu VT;KHTC.



Nguyễn Công Vân



Đơn vị: Ban quản lý Vườn Quốc gia Phước Bình

Chương: 599

Biểu số 4

(Ban hành kèm theo TT 61/2017/TT-BTC ngày
15/6/2017 của Bộ Tài Chính)

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 38/QĐ-BQLVQG PB ngày 18 tháng 4 năm 2023)

ĐV tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó				Chi tiết từng đơn vị
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Chi phí công tác, dịch vụ, chi khác...	Trích lập các quỹ	
I	Quyết toán thu							
A	Tổng số thu	90.738.149	90.738.149					Trung tâm GDMT và DVMT rừng
	Phí vào cổng tham quan	90.738.149	90.738.149					
B	Chi từ nguồn thu được để lại	90.089.148	90.089.148	42.649.750	12.454.998	34.984.400		
	Chi thường xuyên	90.089.148	90.089.148	42.649.750	12.454.998	34.984.400		
C	Số thu nộp NSNN							
1	Số phí, lệ phí nộp NSNN							
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	5.771.539.971	5.771.539.971	2.999.854.705	36.424.021	2.644.878.161	90.383.084	
1	Chi quản lý hành chính	2.942.105.400	2.942.105.400	2.391.725.668	16.364.000	227.937.586	306.078.146	Hạt KL BQLVQG Phước Bình
1.1	Kinh phí thực hiện tự chủ	2.642.602.000	2.642.602.000	2.160.477.668	16.364.000	159.682.186	306.078.146	
1.2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	299.503.400	299.503.400	231.248.000		68.255.400		
2	Chi hoạt động kinh tế	5.771.539.971	5.771.539.971	2.999.854.705	36.424.021	2.644.878.161	90.383.084	
2.1	Kinh phí thực hiện tự chủ	3.165.218.000	3.165.218.000	2.588.572.985	36.424.021	449.837.910	90.383.084	
		2.345.637.720	2.345.637.720	1.908.268.775	30.088.021	365.537.848	41.743.076	Văn phòng BQLVQG Phước Bình
		819.580.280	819.580.280	680.304.210	6.336.000	84.300.062	48.640.008	Trung tâm GDMT và DVMT rừng
1.2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	2.606.321.971	2.606.321.971	411.281.720	-	2.195.040.251	-	
		2.485.983.921	2.485.983.921	314.878.720		2.171.105.201		Văn phòng BQLVQG Phước Bình
		120.338.050	120.338.050	96.403.000		23.935.050		Trung tâm GDMT và DVMT rừng